TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2026/HC-PT
Ngày 15/4/2026.
V/v khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**
Các Thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**
ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: bà **Bùi Ngô Ý Nhi**, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 287/2025/TLPT-HC ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc "Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2025/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 746/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Nam V - sinh năm 1960; địa chỉ: số B đường T, phường P, thành phố H. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của ông* Nguyễn Nam V*:* bà Nguyễn Thị P - sinh năm 2000 (văn bản uỷ quyền ngày 30/10/2023); địa chỉ liên hệ: số A đường S, phường H, thành phố H. Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H (*là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng* của Ủy ban nhân dân quận P, thành phố H); địa chỉ: số C đường Đ, phường P, thành phố H. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Chủ tịch* Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H*:* ông Võ Văn L; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

phường P, thành phố H (văn bản uỷ quyền số 1559/UBND-ĐC ngày 15/8/2025). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị D - sinh năm 1961 (vợ của ông Nguyễn Nam V); địa chỉ: số B đường T, phường P, thành phố H. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị D:* bà Nguyễn Thị P - sinh năm 2000 (văn bản uỷ quyền ngày 18/12/2023); địa chỉ liên hệ: số A đường S, phường H, thành phố H. Có mặt.

4. Người kháng cáo: người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2023, bản tự khai của ông Nguyễn Nam V và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Nam V là bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Nguồn gốc căn nhà (29,04m^2) tọa lạc tại thửa đất số 170-1+171, tờ bản đồ số 14, tại 0 đường T, phường T, thành phố H là của Xí nghiệp D1 (nay là phường P, thành phố H) bố trí lâu dài, vĩnh viễn cho vợ chồng ông Nguyễn Nam V, bà Nguyễn Thị D để ở vào năm 1989 theo Quyết định số 89/HCQĐ-XN ngày 15/12/1989. Nội dung của quyết định: phần nhà cho vợ chồng ông Nguyễn Nam V, bà Nguyễn Thị D để ở, Quyết định số 89 không đề cập đến việc giao hoặc cấp đất cho vợ chồng ông Nguyễn Nam V để sử dụng. Tại thời điểm phân nhà, đặc điểm căn nhà là móng xây gạch, tường gạch, mái fiboro xi măng, nền láng xi măng, diện tích 29,04m^2, quá trình sử dụng gia đình ông V có cơi nới thêm, nhà ở có tổng diện tích 59,69m^2. Về hiện trạng lô đất: thời điểm phân nhà (năm 1989), toàn bộ khuôn viên đều là đất trống, xung quanh không có nhà ở, không có trụ sở của Xí nghiệp D1 tại đây, chỉ có một căn nhà duy nhất vợ chồng ông Nguyễn Nam V được phân ở. Từ năm 1989 đến nay, không có cơ quan Nhà nước nào đăng ký hoạt động tại lô đất ông V, bà D đang sử dụng. Sau khi được phân nhà ở (1989), đến năm 1990, ông V, bà D đã khai hoang tạo lập thêm một phần diện tích đất bên cạnh để sử dụng, tổng diện tích hiện nay đang sử dụng 304,5m^2, thuộc thửa đất số 170-1+171, tờ bản đồ số 14. Gia đình ông V, bà D đã sinh sống ổn định từ 1989 cho đến nay, quá trình sử dụng nhà đất là ổn định, liên tục, nộp thuế hàng năm cho Nhà nước từ trước đến nay (đính kèm biên lai thuế), không vi phạm về đất đai, không lấn chiếm đất công, chưa bị xử phạt về hành vi vi phạm đất đai, có hộ khẩu thường trú tại đây và đây là nơi ở duy nhất (ngoài căn nhà này gia đình ông V, bà D không có căn nhà thứ hai nào để ở). Sau khi được phân nhà để ở, gia đình ông V, bà Dưỡng sinh S ổn định, chưa nhận được bất kỳ một văn bản hay thông báo nào về việc thu hồi nhà, đất của ông V, bà D.

Năm 2007, 2009, khi Ủy ban nhân dân tỉnh T (cũ) tiến hành rà soát, kiểm kê đất đai, tình hình kê khai sử dụng đất trên địa bàn thành phố H để lập bản đồ Gis Hue làm cơ sở xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân thì ông V, bà D đã kê khai đăng ký và có tên trên bản đồ Gis Hue vào năm 2007, 2009. Năm 2016, Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) thực hiện dự án khai thác quỹ đất xen ghép tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại phường T, thành phố H để cấp đất tái định cư cho một số hộ dân. Phạm vi giải phóng mặt bằng có hộ gia đình ông Nguyễn Nam V bị giải tỏa toàn bộ và mất chỗ ở. Ngày 22/4/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) có Công văn số 563/TTPTQĐ-GPMB gửi Sở Công thương tỉnh T (trước đây là Sở Công nghiệp và tiểu thủ Công nghiệp tỉnh là đơn vị trực tiếp quản lý Xí nghiệp D1) về việc xác nhận hồ sơ của ông, bà Nguyễn Nam V - Nguyễn Thị D. Ngày 12/9/2016, Sở Công thương tỉnh T có Công văn số 1562/SCT-VP trả lời: "Hiện không lưu giữ hồ sơ cấp đất của Xí nghiệp D1 nên không có cơ sở để xác nhận các nội dung theo yêu cầu của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H". Năm 2017, quá trình lập phương án giải tỏa đền bù để lập quỹ đất xen ghép, bố trí đất tái định cư, đại diện Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H (đồng chí T - Phó Giám đốc, đồng chí T1 - chuyên viên) đã tiến hành lập biên bản làm việc với phía đại diện gia đình ông V, bà D liên quan đến nội dung như sau:

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) đồng ý với gia đình ông V sẽ cắt lại 50% diện tích đất - tương đương 152m^2 để bố trí đất tái định cư tại chỗ cho ông V, bà D, phần còn lại Nhà nước sẽ thu hồi và gia đình ông V đã đồng thuận ký tên vào biên bản. Biên bản có các chữ ký sau: đồng chí T, đồng chí T1, ông Nguyễn Nam V và được lập thành 01 bản lưu tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H.

Sau khi lập biên bản thống nhất phương án đền bù, bố trí đất tái định cư thì gia đình ông V, bà D không nhận được bất kỳ một thông báo nào của Trung tâm Phát triển quỹ đất và Ủy ban nhân dân thành phố H. Quyết định thu hồi nhà đất, thông báo thu hồi nhà đất đến nay gia đình ông V, bà D vẫn chưa nhận được.

Năm 2023, ông V và bà D có nhu cầu xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 170-1+171, tờ bản đồ số 14, tại 0 đường T, phường T, thành phố H (nay là phường P, thành phố H), hồ sơ được nộp vào Trung tâm hành chính công thành phố H để tiến hành đo vẽ, xác định ranh giới thửa đất. Trung tâm hành chính công đã trích xuất bản vẽ ranh giới vào ngày 06/10/2022. Sau khi ký xong ranh giới, ông V đã nộp tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H (cũ) để ký xác nhận bản vẽ ranh giới. Ngày 15/02/2023, Ủy ban nhân dân phường T đã có phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ với lý do:

+ Bản đồ 202 (đo vẽ 1997), thửa đất số 170 -1 +172 là một phần thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.864,9m^2, người kê khai: Ủy ban nhân dân phường T;

+ Bản đồ Gis Hue (đo vẽ 2007, 2009) là một phần thửa đất 04, tờ bản đồ số 14. Đồng thời, Ủy ban nhân dân phường thông tin thêm: ngày 04/11/2016, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Công văn số 3507/UBND-GPMB về việc hỗ trợ nhà đất cho ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D, tại phường T, thành phố H đến nay chưa giải quyết. Sau khi nhận được thông tin trên, gia đình ông V, bà D quá bất ngờ nên đã có đơn gửi Ban Tiếp dân của Ủy ban nhân dân tỉnh T (cũ) để được giải quyết công khai. Qua hai buổi tiếp dân dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T (cũ) yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh T ngày 21/4/2023.

Ngày 03/4/2023, ông V, bà D có đơn kiến nghị gửi Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) đề nghị xem xét chấp thuận và giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 170-1+171, tờ bản đồ số 14, tại số B đường T, phường T, thành phố H (nay là phường P, thành phố H). Ngày 26/4/2023, Ủy ban nhân dân thành phố H có văn bản trả lời số 3082/UBND-ĐC ngày 26/4/2023 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị P (người được ủy quyền), nội dung tóm tắt như sau:

+ Về cấp Giấy chứng nhận: nguồn gốc thửa đất số 170-1+171, tờ bản đồ số 14 tại 0 đường T, phường T, thành phố H (nay là phường P, thành phố H) có nguồn gốc được Xí nghiệp D1 bố trí cho hai vợ chồng ở từ năm 1989, nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước hiện nay chưa được cơ quan bán hóa giá theo quy định của pháp luật.

+ Về dự án khai thác đất xen ghép: năm 2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H đã tiến hành kiểm kê hiện trạng về tài sản trên đất và kê khai nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình để thực hiện thủ tục bồi thường theo đúng trình tự quy định.

Ngày 06/5/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh T có Công văn số 2803 thống nhất chủ trương hỗ trợ 60% giá trị nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước với diện tích 29,04m^2, hỗ trợ 80% giá trị tài sản trên đất xây dựng, cơi nới cho vợ chồng ông V.

Ngày 16/8/2017, Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) ban hành Quyết định số 5224/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị hỗ trợ cho vợ chồng ông V, bà D với tổng giá trị 160.565.000đồng, trong đó: chi phí hỗ trợ giải tỏa: 157.417.000đồng, chi phí tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng 3.148.000đồng. Ngoài chi phí hỗ trợ nêu trên, ông V, bà D không nhận được thêm bất kỳ khoản hỗ trợ nào từ Nhà nước, ông V, bà D tự lo chỗ ở mới.

Sau khi nhận được Công văn số 3082 (ngày 04/5/2023 nhận được công văn), bà Nguyễn Thị P - người được ủy quyền đã liên hệ Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) để yêu cầu sao lục toàn bộ hồ sơ có liên quan đến việc đền bù giải tỏa nhà đất tại 0 đường T, phường T, thành phố H (nay là phường P, thành phố H). Trung tâm Phát triển quỹ đất đã trích sao toàn bộ hồ sơ có liên quan và hiện nay ông V đang lưu giữ. Sau khi nhận được văn bản số 3082 và toàn bộ hồ sơ có liên quan đến việc đền bù giải tỏa nhà và đất tại 0 đường T, phường T, thành phố H (ngày nhận được là ngày 06/5/2023), ông V, bà D và cả gia đình hoàn toàn bất ngờ với hồ sơ này vì từ trước tới nay hoàn toàn không hay biết, chưa nhận được bất kỳ một thông tin nào có liên quan, cũng như số tiền đền bù đang ở đâu?

Do đó, ông Nguyễn Nam V khởi kiện các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố H vì các lý do sau:

Thứ nhất: Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại khu phân lô xen ghép thửa 04, tờ bản đồ số 14, phường T, thành phố H và Công văn 3082/UBND-ĐC ngày 26/4/2023 về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D là trái pháp luật nên cần phải hủy bỏ.

Quyết định số 5224 căn cứ Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh T (cũ) quy định về chính sách hỗ trợ di dời nhà ở các hộ gia đình, cá nhân ra khỏi khuôn viên cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp... để áp dụng đối với trường hợp của ông Nguyễn Nam V, bà Nguyễn Thi D là chưa đúng pháp luật.

Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) xác nhận phần đất bị thu hồi có nhà ở là 29,04m^2, được hỗ trợ 60% giá trị đất, trong khi gia đình ông V, bà D đang sử dụng toàn bộ diện tích đất 304,5m^2, phần đất này Ủy ban nhân dân thành phố H không đề cập đến trong quá trình lập thủ tục thẩm định, phê duyệt giá trị đền bù cho gia đình ông V, bà D. Trên thực tế, gia đình ông V, bà D đã và đang sử dụng toàn bộ diện tích đất này (304,5m^2), có kê khai, nộp thuế đất hàng năm, có tên kê khai trên bản đồ do vẽ lập năm 2007, 2009. Do đó, nếu Ủy ban nhân dân thành phố H xác định phần đất bị thu hồi là 29,09m^2 thì phần đất còn lại do vợ chồng ông V, bà D khai hoang năm 1990 có được đền bù, cấp đất tái định cư hay không? Trong quyết định phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ cho ông V, bà D không đánh giá, không kiểm kê, không làm rõ phần đất vợ chồng ông V đang sử dụng ngoài phạm vi có nhà ở.

Về chứng cứ, tài liệu ông V thu thập được: không có quyết định thu hồi nhà, đất sau khi có Quyết định phê duyệt phương án đền bù. Tại tờ khai nguồn gốc đất lập ngày 25/3/2016, Ủy ban phường T xác nhận ngày 30/3/2016 chỉ kê khai nguồn gốc nhà với diện tích xây dựng 30m^2, không xác nhận nguồn gốc đất.

Về hồ sơ pháp lý về nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước: Sở Công thương không xác nhận thuộc sở hữu Nhà nước, chưa có ý kiến của Sở Xây dựng về kiểm kê, báo cáo nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó có nhà của ông V, bà D hay không? Xí nghiệp D1 đã giải thể, hồ sơ pháp lý nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước không có, cơ quan chủ quản có giao đất cho Xí nghiệp để xây nhà bố trí cho cán bộ công nhân viên ở hay không? nhà ở đã có văn bản bản trưng thu, trưng dụng của cơ quan có thẩm quyền hay chưa? Vậy cơ sở pháp lý nào Ủy ban nhân dân thành phố H xác nhận nhà ở ông V, bà D đang sử dụng thuộc sở hữu Nhà nước?

Căn cứ Điều 80 của Luật Nhà ở năm 2014 quy định: nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước có 4 loại: nhà ở công vụ, nhà ở để phục vụ tái định cư, nhà ở xã hội, nhà ở cũ (được Nhà nước đầu tư, xây dựng). Vậy căn nhà của ông V và bà D đang ở thuộc vào đối tượng nào? Và giấy tờ tài liệu gì chứng minh nhà ở được Xí nghiệp phân vào năm 1989 thuộc sở hữu Nhà nước.

Thứ hai: có đủ cơ sở pháp lý để khẳng định nhà và đất tại tại 0 đường T, phường T, thành phố H (nay là phường P, thành phố H) mà ông Nguyễn Nam V, bà Nguyễn Thị D đang sử dụng có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Luật Đất đai năm 2013. Cụ thể: năm 1989, ông V, bà D được phân nhà để ở với diện tích đất có nhà là 29,04m^2. Năm 1990, ông V, bà D tự cơi nới, khai hoang thêm một phần diện tích đất ước khoảng 274,5m^2 (phần diện tích đất này không nằm trong quyết định phân nhà vào năm 1989) và được gia đình ông V sử dụng ổn định từ năm 1990 đến nay. Quá trình sử dụng có kê khai, nộp thuế đầy đủ từ trước đến nay, không tranh chấp, không vi phạm, chưa bị xử phạt, chưa bị lập biên bản về vi phạm trong sử dụng quản lý đất đai. Thửa đất hiện nay quy hoạch đất ở, phù hợp quy hoạch để cấp Giấy chứng nhận. Nhà nước thu hồi nhà và đất của ông V, bà D là thu hồi, giải tỏa toàn bộ hay chỉ một phần diện tích đất có nhà ở tương đương 29,04m^2. Nếu phạm vi thu hồi giải tỏa toàn bộ thì phần đất ngoài diện tích có nhà ở được ông V, bà D sử dụng theo hiện trạng hiện nay phải được đền bù và cấp đất tái định cư tại chỗ, vì gia đình ông V không có nơi ở khác trên phạm vi tỉnh Thừa Thiên Huế. Nếu thu hồi, giải tỏa trắng, gia đình ông V cầm số tiền đó đi đâu để ở. Luật Đất đai năm 2013 và Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định: "Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định". Trong hồ sơ đền bù, Ủy ban nhân dân thành phố H không có chính sách hỗ trợ nào cho gia đình ông V theo các quy định nêu trên. Đề nghị Tòa án đánh giá đúng bản chất sự việc, tách bạch rõ ràng và đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố H cung cấp

hồ sơ địa chính về nguồn gốc đất từ trước năm 1989 cho đến nay đối với thửa đất của ông V, bà D đang sử dụng. Nay, ông Nguyễn Nam V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Hủy toàn bộ Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại khu phân lô ghép thửa 04, tờ bản đồ số 14, phường T, thành phố H;

- Hủy toàn bộ Công văn số 3082/UBND-ĐC ngày 26/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị P;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 170-1+171, tờ bản đồ số 14, diện tích 304,5m^2 tại 0 đường T, phường T, thành phố H cho ông Nguyễn Nam V, bà Nguyễn Thị D.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) trình bày tại Văn bản số 4986/UBND-KNTC ngày 31/5/2024 như sau:*

1. Về giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: năm 2004, Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Xây dựng đã quy hoạch phân thửa đất số 04, tờ bản đồ 14, phường T thành 07 lô đất có ký hiệu: 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7. Trong đó:

- Lô số 1 và lô số 4: Hội đồng đấu giá đất thành phố đã bán đấu giá.

- Lô S, lô F và lô 7 phân thành 06 lô (Bản vẽ được Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Xây dựng phê duyệt) để cấp đất diện chính sách và bố trí tái định cư trên địa bàn phường T. Cụ thể:

+ Lô số 5 được phân thành 02 lô (lô số 5 và lô F) và đã giao đất;

+ Lô số 6 và lô 7 được phân thành 04 lô (lô số 7, lô H, lô I, lô A) và đã giao cho Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi và khuyết tật tỉnh Thừa Thiên H sử dụng vào mục đích mở rộng Trung tâm Dạy nghề cho người tàn tật và trẻ mồ côi theo Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 16/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Còn lại lô số 2 và lô 3 (khu đất cần giải tỏa để thực hiện dự án) là quỹ đất đấu giá nhưng do có ông, bà Nguyễn Nam V - Nguyễn Thị D đang sử dụng do Xí nghiệp D1 đồng ý phân cho ở theo Quyết định số 89/HCQT-XN ngày 15/12/1989 của Giám đốc Xí nghiệp D1 (nhà thuộc sở hữu Nhà nước, tuy nhiên chưa được cơ quan có thẩm quyền bán, hóa giá theo quy định pháp luật) nên tại thời điểm này Hội đồng đấu giá đất thành phố chưa thực hiện.

Ngày 02/10/2008, Ủy ban nhân dân thành phố có Công văn số 2098/UBND-NĐ về việc chuyển đổi đất tại khu quy hoạch Thánh Gióng theo đề xuất của Ủy

ban nhân dân phường T là phân lô số 2 thành thửa số 170 và thửa số 171, phân lô 3 thành thửa số 228 và thửa số 229.

Ngày 07/9/2009, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 2273/QĐ-UBND về việc sử dụng thửa đất số 229 giao cho hộ ông Nguyên K. Hiện còn lại diện tích 309,6m^2 thuộc 03 thửa đất là 170, 171 và 228 (nằm vị trí mặt tiền của khu vực giải tỏa) đang có nhà ở 72,0m^2 của ông, bà Nguyễn Nam V - Nguyễn Thị D sử dụng từ trước đến nay. Trên thửa đất số 228 hiện nay có hộ gia đình ông, bà Nguyễn Nam V - Nguyễn Thị D (02 nhân khẩu) và hộ gia đình ông, bà Nguyễn Chí B - Lê Thị Diệu T2 (04 nhân khẩu) đang sinh sống.

Ngày 25/6/2013, Ủy ban nhân dân thành phố có Công văn số 1521/UBND-NĐ về lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại khu phân lô đất xen ghép thửa số 04, tờ bản đồ số 14 phường T, thành phố H ảnh hưởng đến hộ gia đình ông, bà Nguyễn Nam V - Nguyễn Thị D thực hiện Quyết định số 1340/QĐ-UBND 20/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thành phố H và Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của thành phố H. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy định: "Diện tích nhà, đất xem xét hỗ trợ được xác định trên cơ sở diện tích nhà ở và cho thuê hoặc bố trí được thủ trưởng cơ quan hiện đang quản lý cơ sở nhà đất đó xác nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật Nhà nước". Tuy nhiên, hiện nay Xí nghiệp D1 là cơ quan chủ quản bố trí ở đã giải thể.

Ngày 06/5/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 2803/UBND-ĐC về giải quyết vướng mắc giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án trên địa bàn thành phố H, trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Tư vấn tỉnh tại Công văn số 483/HĐTV-TCV ngày 24/4/2017. Trong đó, Ủy ban nhân dân tỉnh T theo đề xuất giải quyết vướng mắc của Hội đồng tư vấn. Cụ thể như sau:

- Đối với phần diện tích Nhà nước bố trí (hộ gia đình kê khai có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường) hỗ trợ 60% giá trị nhà và đất thuộc sở hữu Nhà nước với diện tích là 29,04m^2.

- Đối với phần diện tích cơi nới (theo kê khai của hộ gia đình): hỗ trợ 80% mức bồi thường đối với phần tài sản xây dựng trên đất.

Ngày 16/8/2017, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 5224/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản cho hộ gia đình ông, bà Nguyễn Nam V - Nguyễn Thị D để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại khu phân lô xen ghép thửa 04, tờ bản đồ 14, phường T, tổng giá trị hỗ trợ về nhà và đất 157.417.000đồng. Trong đó, hỗ trợ 60% giá trị nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước và tự lo chỗ ở, không đủ điều kiện giao đất tái định cư (chỉ

được thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước hoặc nhà ở tái định cư tại các khu chung cư do Nhà nước quản lý) là đúng quy định.

Ngày 22/02/2019, Ủy ban nhân dân thành phố có Công văn số 485/UBND-GPMB xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh Đ hỗ trợ 01 lô đất tái định cư ký hiệu 228, diện tích 104,5m^2 cho ông, bà V - Dưỡng thuộc dự án. Ngày 09/4/2019, Hội đồng tư vấn tỉnh đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh T tại Công văn số 475/HĐTV-TCV việc đề nghị rà soát quá trình thực hiện dự án, nguồn gốc toàn bộ khu đất và đơn đề nghị của ông, bà V - Dưỡng đề xuất giải quyết tại cuộc họp khác nên chưa thống nhất việc bố trí đất tái định cư.

Qua nhiều lần làm việc, hộ gia đình đồng ý với giá trị hỗ trợ nêu trên nhưng chưa nhận tiền hỗ trợ và kiến nghị xem xét giao 01 lô đất tái định cư tại chỗ để hộ gia đình xây dựng nhà, ổn định đời sống, do trong nhà có 02 hộ và số lượng nhân khẩu đông sinh sống từ năm 1989 đến nay, kinh tế gia đình còn khó khăn nên không đủ khả năng để tự lo chỗ ở mới. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã có nhiều văn bản xin ý kiến để thực hiện. Tuy nhiên, do vướng mắc về chính sách giao đất tái định cư, hộ gia đình không phối hợp nhận tiền và bàn giao mặt bằng nên đến nay dự án này vẫn chưa thực hiện được.

2. Liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận nhà, đất: ngày 26/4/2023, Ủy ban nhân dân thành phố có Công văn số 3082/UBND-ĐC về việc trả lời ông bà Nguyễn Nam V - Nguyễn Thị P. Cụ thể:

Thửa đất số 170-1 và thửa đất số 171 (là một phần của thửa đất số 04), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại 0 đường T, phường T mà ông, bà Nguyễn Nam V - Nguyễn Thị D đang sử dụng được Xí nghiệp D1 bố trí cho ông, bà V - D vào ở năm 1989, nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước hiện nay chưa được cơ quan thẩm quyền bán, hóa giá theo quy định pháp luật. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ thực hiện dự án trong đó có hộ ông bà Nguyễn Nam V - Nguyễn Thị D. Do đó, việc ông, bà V - Dưỡng kiến nghị cấp Giấy chứng nhận tại thửa đất nêu trên là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Như vậy, việc ông Nguyễn Nam V khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại khu quy hoạch phân lô xen ghép thửa đất số 04, tờ bản đồ số 14, phường T, thành phố H và hủy Công văn số 3082/UBND-ĐC ngày 26/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị P là không có cơ sở.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D do bà Nguyễn Thị P đại diện trình bày:* thống nhất như trình bày của ông Nguyễn Nam V.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2025/HC-ST ngày 29/9/2025 của Toà án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 31, khoản 4 Điều 32, khoản 3 Điều 59, Điều 115, Điều 116; khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính; Điều 74, Điều 75, khoản 2 Điều 79, Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Toà án nhân dân; Điều 18, Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Nam V:

- Huỷ Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại phân lô xen ghép thửa 04, tờ bản đồ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H) đối với vợ chồng ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D;

- Huỷ một phần Thông báo số 3082/UBND-ĐC ngày 26/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị P. Tại mục 2. Về dự án khai thác đất xen ghép…

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ xem xét việc ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại khu phân lô xen ghép thửa 04, tờ bản đồ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H): hỗ trợ giá trị đất theo diện tích nhà ở được Nhà nước bố trí; hỗ trợ phần nhà được Nhà nước bố trí; hỗ trợ phần tài sản và công trình xây dựng cơi nới thêm, giao 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất, hỗ trợ chi phí di chuyển chỗ ở, hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới cho vợ, chồng ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D khi Nhà nước thu hồi đất về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại khu phân lô xen ghép thửa 04, tờ bản đồ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành

phố H) theo đúng quy định pháp luật và phù hợp với phần nhận định của bản án liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Nam V về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 170-1+171, tờ bản đồ số 14, diện tích 304.5m^2, toạ lạc tại số B đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là số B đường T, phường P, thành phố H) cho ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/10/2025, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm tại mục 1 phần Quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị P là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Nam V đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Nam V là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2025/HC-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: ngày 18/7/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) nhận được đơn khởi kiện của ông Nguyễn Nam V với nội dung: yêu cầu hủy Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân

thành phố H về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại khu phân lô xen ghép thửa 04, tờ bản đồ số 14, phường T, thành phố H đối với vợ chồng ông; hủy Công văn số 3082/UBND-ĐC ngày 26/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Nam V, bà Nguyễn Thị P và buộc Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 170-1+171, tờ bản đồ số 14, diện tích 304,5m^2 tại 0 đường T, phường T, thành phố H cho ông Nguyễn Nam V, bà Nguyễn Thị D. Mặc dù Quyết định số 5224/QĐ-UBND nêu trên đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng quyết định này có liên quan đến Công văn số 3082/UBND-ĐC bị khiếu kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính hợp pháp của quyết định này nhằm bảo đảm vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để, là đúng quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về nguồn gốc căn nhà 29,4m^2 tại thửa đất số 170-1+171, tờ bản đồ số 14, toạ lạc tại số B đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là số B đường T, phường P, thành phố H) là do Giám đốc Xí nghiệp D1 bố trí căn hộ tập thể cho ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D để ở theo Quyết định số 89/HCQT-XN ngày 15/12/1989. Tại thời điểm phân nhà, căn nhà có đặc điểm: móng xây gạch, tường gạch, mái fiboro xi măng, nền láng xi măng, diện tích 29,04m^2. Quá trình sử dụng, gia đình ông Nguyễn Nam V có xây dựng thêm nhà diện tích 72m^2 và cơi nới tôn tạo thêm diện tích đất 304.5m^2 thuộc thửa đất số 170-1+171, tờ bản đồ số 14 (theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, do chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế lập ngày 06/10/2022, được các chủ sử dụng đất liền kề là ông Nguyễn Tiến L1 và ông Trần Quang Đ xác nhận). Mặt khác, theo Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ do Ủy ban nhân dân phường T lập ngày 15/02/2023 thể hiện: Bản đồ 202: thửa đất 170-1+171 là một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 14, diện tích 2.864,9m^2, chủ sử dụng đất: Ủy ban nhân dân phường T; bản đồ Gis: thửa đất số 170-1+171 (là một phần thửa đất số 04), tờ bản đồ số 14. Như vậy, diện tích 304.5m^2 thuộc thửa đất số 170-1+171, tờ bản đồ số 14, toạ lạc tại số B đường T, phường T, thành phố H (nay là số B đường T, phường P, thành phố H) do ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D quản lý, sử dụng phù hợp với quy hoạch đất ở. Mặc dù ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D không có giấy tờ về thanh lý, hoá giá nhà thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định của pháp luật về đất đai nhưng quá trình quản lý, sử dụng nhà, đất ông Nguyễn Nam V, bà Nguyễn Thị D không bị Nhà nước ban hành quyết định thu hồi do thuộc diện Nhà nước xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị quyết số 23/2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước quản lý, bố trí, sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991; Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH 11 ngày 02/4/2005 của Uỷ ban

Thường vụ Quốc hội quy định về việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa.

[2.2] Sau khi được cấp nhà ở vào năm 1989, quá trình sử dụng ông Nguyễn Nam V, bà Nguyễn Thị D có cơi nới thêm khoảng 275.1m^2 đất và nộp thuế cho Nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại phân lô xen ghép thửa 04, tờ bản đồ 14, phường T, thành phố H (cũ), trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Nam V tại phụ lục: Giá trị hỗ trợ về đất và tài sản cho hộ gia đình, cá nhân để phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại khu phân lô xen ghép thửa số 4, tờ bản đồ số 14, phường T, thành phố H (cũ) kèm theo Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H (cũ) và tại phương án về việc hỗ trợ về đất và tài sản của các hộ gia đình để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại khu phân lô xen ghép thửa 04, tờ bản đồ 14, phường T (cũ) thì hộ ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D được hỗ trợ giá trị đất theo diện tích nhà ở được bố trí 29,04m^2 x 1.870.000đồng x 60% = 32.583.000đồng; phần nhà được Nhà nước bố trí 29,04m^2 x 1.986.000đồng x 60% = 34.604.000đồng; bồi thường về phần tài sản và công trình xây dựng cơi nới thêm là 90.230.000đồng; chi phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng 3.148.000đồng; tổng cộng 160.565.000đồng và tự lo chỗ ở, không đủ điều kiện để cấp đất tái định cư.

Tại Công văn số 4986/UBND-KNTC ngày 31/5/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) về việc phúc đáp Thông báo số 31/TLST-HC ngày 04/10/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) có nội dung: ngày 22/02/2019, Ủy ban nhân dân thành phố H có Công văn số 485/UBND-GPMB xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh Đ hỗ trợ 01 lô đất tái định cư ký hiệu 228, diện tích 104,5m^2 cho ông Nguyễn Nam V - bà Nguyễn Thị D thuộc dự án. Ngày 09/4/2019, Hội đồng tư vấn tỉnh đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 475/HĐTV-TCV về việc rà soát quá trình thực hiện dự án, nguồn gốc toàn bộ khu đất và đơn đề nghị của ông bà V1 đề xuất giải quyết tại cuộc họp khác nên chưa thống nhất bố trí đất tái định cư.

Hộ gia đình ông Nguyễn Nam V đồng ý với giá hỗ trợ nêu trên nhưng chưa nhận tiền hỗ trợ và kiến nghị xem xét giao một lô đất tái định cư tại chỗ để hộ gia đình xây dựng nhà, ổn định đời sống vì trong nhà có hai hộ và số lượng nhân khẩu đông, sinh sống từ năm 1989 đến nay, kinh tế gia đình còn khó khăn nên không đủ khả năng để tự lo chỗ ở mới. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố cũng đã có nhiều văn bản xin ý kiến thực hiện. Theo Biên bản làm việc ngày 26/02/2016 tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H (cũ) có đại diện Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, đại diện Ủy ban nhân dân phường T, đại diện hộ gia đình bà Nguyễn Thị D để thông báo chủ trương

chính sách hỗ trợ giải toả di chuyển chỗ ở và triển khai kế hoạch kiểm kê, kê khai nguồn gốc sử dụng nhà và đất ở thuộc sở hữu Nhà nước của hộ bà Nguyễn Thị D thửa đất số 04, tờ bản đồ 14, toạ lạc tại số B kiệt A đường T, phường T, thành phố H thể hiện: căn cứ Công văn số 2816/UBND-ND ngày 27/10/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) về việc thực hiện giải toả và bố trí tái định cư tại chỗ cho hộ bà Nguyễn Thị D.

Xét thấy, gia đình ông Nguyễn Nam V đã sinh sống ổn định, liên tục từ năm 1989 đến nay. Quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông Nguyễn Nam V có kê khai và nộp thuế đất cho Nhà nước hằng năm theo các biên lai thu thuế các năm 2003, 2004, 2014, 2015, 2022 và có hộ khẩu thường trú tại thửa đất này. Ngoài căn nhà này thì hộ gia đình ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D không có nhà, đất nào khác trong địa bàn phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H) nơi có đất bị thu hồi. Như vậy, trường hợp hộ gia đình ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D có đủ điều kiện để được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ khi Nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) không xem xét nhu cầu về chỗ ở của gia đình ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông Nguyễn Nam V, bà Nguyễn Thị D. Ngoài ra, nội dung Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) và phương án kèm theo Quyết định số 5224/QĐ-UBND thiếu chính sách hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình ông Nguyễn Nam V theo Điều 5 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh T và không đảm bảo đầy đủ các nội dung về hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình ông Nguyễn Nam V khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật; Phương án kèm theo Quyết định số 5224/QĐ-UBND nêu trên cũng không đảm bảo đầy đủ các nội dung về hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình ông Nguyễn Nam V khi Nhà nước thu hồi đất và không chặt chẽ theo quy định của pháp luật. Mặt khác, tại Đơn kháng cáo ngày 24/10/2025, người bị kiện trình bày rằng: Ủy ban nhân dân thành phố H và và Hội đồng tư vấn thành phố H (mới) vẫn đang tiếp tục xem xét bố trí tái định cư cho ông Nguyễn Nam V. Do đó, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nam V, huỷ Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H (cũ) về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại phân lô xen ghép thửa 04, tờ bản đồ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H) đối với hộ gia đình ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D là có cơ sở.

[2.3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Nam V về việc huỷ Công văn số 3082/UBND-ĐC ngày 26/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa

Thiên Huế (cũ) về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thi P thì thấy: tại Mục 2 của công văn này trả lời về dự án khai thác đất xen ghép với nội dung: việc hỗ trợ nhà, đất diện tích 29,04m^2 và hỗ trợ tài sản trên diện tích đất xây dựng cơi nới cho ông Nguyễn Nam V theo Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H là đúng. Xét nội dung trả lời này không đúng quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các quy định khác có liên quan. Vì vậy, cần huỷ một phần Công văn số 3082/UBND-ĐC nêu trên tại Mục 2. Về dự án khai thác đất xen ghép.

[2.4] Do Quyết định số 5224/QĐ-UBND bị hủy một phần về nội dung liên quan đến hộ ông Nguyễn Nam V, bà Nguyễn Thị D và Công văn số 3082/UBND-ĐC cũng bị hủy một phần tại Mục 2.Về dự án khai thác đất xen ghép nên cần phải buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ xem xét việc ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại khu phân lô xen ghép thửa 04, tờ bản đồ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H): hỗ trợ giá trị đất theo diện tích nhà ở được Nhà nước bố trí; hỗ trợ phần nhà được Nhà nước bố trí; hỗ trợ phần tài sản và công trình xây dựng cơi nới thêm; giao đất ở có thu tiền sử dụng đất; hỗ trợ chi phí di chuyển chỗ ở; hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới cho vợ chồng ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D khi Nhà nước thu hồi đất về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại khu phân lô xen ghép thửa 04, tờ bản đồ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H) theo đúng quy định pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nam V buộc Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 170-1+171, tờ bản đồ số 14, diện tích 304,5m^2 tọa lạc tại số B đường T, phường P, thành phố H, Hội đồng xét xử thấy: tại Mục 1. Về cấp Giấy chứng nhận của Công văn số 3082/UBND-ĐC ngày 26/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H có nội dung không đồng ý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, bà D là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu này là đúng.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nam V, hủy Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đối với ông Nguyễn Nam V, bà Nguyễn Thị D và hủy một phần Công văn số 3082/UBND-ĐC ngày 26/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Nam V, bà Nguyễn Thi P

tại Mục 2. Về dự án khai thác đất xen ghép, là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: do toàn bộ nội dung kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H không được chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2025/HC-ST ngày 29/9/2025 của Toà án nhân dân thành phố Huế.

Áp dụng Điều 74, Điều 75, khoản 2 Điều 79, Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Toà án nhân dân; Điều 18, Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Nam V:

- Huỷ Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại phân lô xen ghép thửa 04, tờ bản đồ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H) đối với vợ chồng ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D;

- Huỷ một phần Công văn số 3082/UBND-ĐC ngày 26/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị P tại Mục 2. Về dự án khai thác đất xen ghép.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ xem xét việc ban hành Quyết định về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại khu phân lô xen ghép thửa 04, tờ bản đồ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H): hỗ trợ giá trị đất theo diện tích nhà ở được Nhà nước bố trí; hỗ trợ phần nhà được Nhà nước bố trí; hỗ trợ phần tài sản và công trình xây dựng cơi nới thêm, giao 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất; hỗ trợ chi phí di chuyển chỗ ở; hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới cho vợ, chồng ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D khi Nhà nước thu hồi đất về việc phê duyệt phương án hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân để lập phương án điều chỉnh quy hoạch cục bộ tại khu phân lô xen ghép thửa 04, tờ bản đồ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H) theo đúng quy định pháp luật và phù hợp với phần nhận định của bản án liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Nam V về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 170-1+171, tờ bản đồ số 14, diện tích 304.5m^2, toạ lạc tại số B đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là số B đường T, phường P, thành phố H) cho ông Nguyễn Nam V và bà Nguyễn Thị D.

3. Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000954 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H (do bà Nguyễn Thị Da T3 nộp thay).

4. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THA dân sự thành phố Huế;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Liên